

ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP TÌNH HUỐNG TRONG DẠY HỌC MÔN GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT LỚP 11: NGHIÊN CỨU TẠI MỘT TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG Ở HÀ NỘI

Nguyễn Hồng Nhung¹,
Phan Thị Lệ Dung^{2,+}

¹Học viên cao học K32, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội;

²Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

+Tác giả liên hệ • Email: dungptl@hnue.edu.vn

Article history

Received: 25/4/2024

Accepted: 20/5/2024

Published: 05/8/2024

Keywords

Case method, Economics and Law Education subject, grade 11, effective use

ABSTRACT

Choosing effective teaching methods in high school is essential to help students enhance critical thinking and actively participate in learning. This article evaluates the effectiveness of the case method in teaching Economics and Law Education, from the perspective of 11th grade students at Yen Hoa High School, Cau Giay District, Hanoi. The study employs quasi-experimental research design, with pre-test, post-test and interview to collect data. The research results show that the case method improves learning outcomes, stimulates interest in learning, helps students apply knowledge in practice, and improves learning skills. The results of the performance test in the experimental group were much higher than the control group. Therefore, teachers need to enhance their role well to increase the effectiveness of using the case method in high school teaching.

1. Mở đầu

Xã hội đang thay đổi nhanh chóng, cùng với những tiến bộ trong công nghệ đã ảnh hưởng sâu sắc đến các phương thức học tập, giảng dạy và đánh giá kết quả trong giáo dục phổ thông. Các phương pháp giảng dạy hiệu quả có thể giúp HS tăng cường tư duy và tích cực tham gia vào các lớp học (Trịnh Văn Biều, 2005). Hiện nay, một thực trạng là các phương pháp dạy học hiện đại phát triển tính sáng tạo của HS chưa nhận được sự quan tâm đúng mức của GV, vì vậy chưa phát huy được tính chủ động sáng tạo trong học tập của HS.

Phương pháp tình huống (PPTH) là một chiến lược học tập tích cực, tiếp cận dựa trên phân tích tình huống, khuyến khích việc khám phá dựa vào cộng đồng, lấy HS làm trung tâm và hướng đến áp dụng kiến thức về các tình huống thực tế và cụ thể. Gần đây, học tập theo PPTH đã được áp dụng trong nhiều chương trình giảng dạy khác nhau và nhận được phản hồi từ HS cho thấy phương pháp này đã cải thiện đáng kể khả năng tiếp thu kiến thức của HS (Ali et al., 2018). Tuy nhiên, cần phải đánh giá tính hiệu quả của PPTH từ góc độ ý kiến và sở thích của HS. Đây là vấn đề hết sức quan trọng có tính khách quan cho việc áp dụng bất kì phương pháp nào vào chương trình dạy học THPT.

Bài báo phân tích hiệu quả sử dụng PPTH trong dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật lớp 11 qua khảo sát và thực nghiệm tại Trường THPT Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội. Kết quả nghiên cứu thực tiễn là cơ sở bước đầu để khẳng định, việc áp dụng PPTH trong dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật ở lớp 11 sẽ cải thiện kết quả học tập của HS và đây là giải pháp thay thế tốt hơn cho các phương pháp dạy học truyền thống.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Một số vấn đề lý luận

"Tình huống" là sự diễn biến của tình hình, là mặt cần phải đối phó (Hoàng Phê và cộng sự, 2011). Theo Boehrer (1995) thì "tình huống" là một câu chuyện, có cốt truyện và nhân vật, liên hệ đến một hoàn cảnh cụ thể, từ góc độ cá nhân hay nhóm, và thường là hành động chưa hoàn chỉnh. PPTH trong dạy học là một phương pháp dạy học được tổ chức theo những tình huống có thực của cuộc sống, trong đó người học kiến tạo tri thức qua việc giải quyết các vấn đề có tính xã hội của việc học tập (Trịnh Văn Biều, 2005). Bản chất của phương pháp dạy học bằng tình huống là thông qua việc giải quyết những tình huống, người học có được khả năng thích ứng tốt nhất với môi trường xã hội trong bất kì hoàn cảnh (Phan Trọng Ngọ, 2005).

Trong phương pháp này, HS tập trung vào từng tình huống mô phỏng, tham gia tích cực học tập, tìm hiểu khoa học và hợp tác với các bạn cùng lớp, phát triển tư duy phản biện và khả năng giải quyết các vấn đề, tích hợp lý thuyết vào thực tiễn (Lê Thị Mai Thảo, 2018; Nguyễn Thị Thơ, 2020). PPTH cung cấp một mô hình thực tế cho HS, liên hệ

nội dung học tập với thực tế chuyên môn và giúp họ cải thiện khả năng hợp tác học tập, tư duy phản biện và giải quyết các vấn đề bài học (Hassoulas et al., 2017). PPTH cũng thúc đẩy việc học tập độc lập và hiểu sâu hơn về chủ đề bài giảng và hỗ trợ việc học tập sau này của cá nhân (James et al., 2015). PPTH trong dạy học tuy rất gần với phương pháp dạy học giải quyết tình huống có vấn đề nhưng lại có cơ sở lý luận và phạm vi ứng dụng rộng hơn, đó là: dạy học tình huống có vấn đề không nhất thiết phải gắn với thực tiễn; tình huống trong dạy học tình huống có vấn đề có khi chỉ là một câu hỏi, còn tình huống trong dạy học tình huống lại có cấu trúc phức tạp hơn (Phan Trọng Ngo, 2005).

Sơ với phương pháp giảng dạy truyền thống, PPTH có một số ưu điểm: (1) Trong giảng dạy PPTH, HS tham gia tích cực vào học tập; (2) PPTH thúc đẩy vận dụng và tích hợp kiến thức, làm việc nhóm và khả năng giải quyết vấn đề thay vì chỉ truyền tải nội dung thông qua phương pháp truyền thống do GV hướng dẫn; (3) PPTH cho phép phản hồi về các tình huống cụ thể và cơ hội thảo luận các vấn đề với người giỏi hơn mình trong chủ đề học tập (Ali et al., 2018). Hơn nữa, dạy-học theo PPTH cũng được coi là phương thức thúc đẩy sự hiểu biết sâu sắc và học tập ở trình độ cao, thay vì học tập hời hợt bằng các bài giảng truyền thống, nhờ đó người học có thể khái niệm hóa kiến thức và áp dụng tốt hơn vào các môn học khác (Hofsten et al., 2010). Tiếp cận nghiên cứu của (Hofsten et al., 2010), James và cộng sự (2015) về ưu điểm của sử dụng PPTH trong dạy học, trong nghiên cứu này, chúng tôi xây dựng 10 câu hỏi để khảo sát HS về hiệu quả PPTH trong dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật (bảng 5).

- *Môn Giáo dục kinh tế và pháp luật* ở THPT có nội dung chủ yếu là học vấn phổ thông, cơ bản về kinh tế, pháp luật mang tính ứng dụng, thiết thực đối với đời sống và định hướng nghề nghiệp sau THPT của HS; gắn kết với nội dung giáo dục đạo đức và kỹ năng sống, giúp HS có nhận thức đúng và thực hiện quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm công dân (GD-ĐT, 2018a). Phân bố mạch nội dung môn Giáo dục kinh tế và pháp luật lớp 11 bao gồm: Cạnh tranh, cung, cầu trong kinh tế thị trường; Thị trường lao động, việc làm; Ý tưởng, cơ hội kinh doanh và các năng lực cần thiết của người kinh doanh; Đạo đức kinh doanh; Văn hoá tiêu dùng; Một số quyền dân chủ cơ bản của công dân; Một số quyền tự do cơ bản của công dân (Bộ GD-ĐT, 2018b). Từ nội dung và yêu cầu cần đạt của chương trình môn học cho thấy, ở môn học này HS rất cần có những kiến thức về từ những tình huống cụ thể trong thực tiễn.

PPTH đưa các tình huống thực tế vào lớp học, giúp HS thấy rõ mối liên hệ giữa lý thuyết và thực tiễn, giúp họ hiểu sâu hơn về cách áp dụng các kiến thức kinh tế và pháp luật vào cuộc sống hằng ngày. Điều đó cũng giúp phát triển các kỹ năng quan trọng khác của HS như: kỹ năng tư duy phản biện và giải quyết vấn đề của HS trong phân tích và đánh giá tình huống; kỹ năng giao tiếp, hợp tác, làm việc nhóm, phát triển khả năng tự học và tự quản lý. Sử dụng PPTH trong dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật lớp 11 không chỉ giúp HS nắm vững kiến thức mà còn phát triển nhiều kỹ năng quan trọng, chuẩn bị cho họ một nền tảng vững chắc để thành công trong tương lai. Từ đặc thù của môn học và lợi thế của PPTH cho thấy, sử dụng PPTH là phương án phù hợp, đem đến hiệu quả cao trong dạy học Giáo dục kinh tế và pháp luật lớp 11.

2.2. Khảo sát hiệu quả sử dụng phương pháp tình huống trong dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật lớp 11

2.2.1. Khái quát chung về khảo sát

- *Mục tiêu khảo sát:* đánh giá hiệu quả của việc áp dụng PPTH trong dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật lớp 11 đến nhận thức của HS và kết quả học tập của HS.

- *Cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu:* Đối tượng nghiên cứu của chúng tôi là HS lớp 11 học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật, tại Trường THPT Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội, thời gian từ tháng 9/2023 đến tháng 02/2024, đồng ý tham gia nghiên cứu (loại trừ những đối tượng không trả lời đầy đủ các câu hỏi hoặc bỏ nghiên cứu). Sử dụng phương pháp chọn mẫu thuận tiện. Hiện tại, trường có 8 lớp 11 chuyên ban xã hội (từ D1 đến D8), chúng tôi lựa chọn 185 HS ở các lớp 11D1, 11D2, 11D3, 11D4 đúng tiêu chuẩn lựa chọn và loại trừ, chia thành nhóm thực nghiệm (98 HS) và nhóm đối chứng (87 HS) để nghiên cứu (bảng 2). Ở cả 2 nhóm nghiên cứu, tỉ lệ nữ giới (53,06% và 54,02%) cao hơn nam giới. Sự khác biệt về giới tính ở 2 nhóm nghiên cứu là không có ý nghĩa thống kê ($p=0,115$).

- *Phương pháp khảo sát:*

+ *Thiết kế nghiên cứu:* Được xây dựng theo nghiên cứu định lượng, thiết kế nghiên cứu bán thực nghiệm với các nhóm nghiên cứu không được chọn ngẫu nhiên, tiến hành bài kiểm tra trước và sau thực nghiệm. Biến độc lập là PPTH được sử dụng trong dạy và học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật lớp 11. Biến phụ thuộc là nhận thức về PPTH và kết quả học tập của HS. Đối tượng nghiên cứu được chia thành hai nhóm khác nhau: Nhóm thực nghiệm được chia thành các nhóm nhỏ (6-8 HS/nhóm) và được giảng dạy bằng PPTH. Nhóm đối chứng được dạy học theo phương pháp truyền thống. Thiết kế nghiên cứu được thể hiện trong bảng 1.

Bảng 1. Thiết kế nghiên cứu

Nhóm nghiên cứu	Bài kiểm tra trước thực nghiệm	Treatment	Bài kiểm tra sau thực nghiệm
Nhóm đối chứng	X	Dạy học theo phương pháp truyền thống	X
Nhóm thực nghiệm	X	Dạy học theo PPTH	X

+ *Công cụ nghiên cứu*: Nghiên cứu sử dụng bài kiểm tra trước, sau thực nghiệm, thu thập thông tin của HS về dạy học sử dụng PPTH bằng bảng câu hỏi.

Bài kiểm tra trước và sau thực nghiệm là các bài tự luận, kiểm tra kiến thức cơ bản của HS về Giáo dục kinh tế và Pháp luật lớp 11. Các bài kiểm tra được 3 GV chuyên môn cùng chấm điểm, sau đó lấy điểm trung bình. Điểm bài kiểm tra theo thang điểm từ 0-10 và được xếp loại thành: Xuất sắc (9,0-10,0 điểm); Giỏi (8,0-8,9 điểm); Khá (6,5-7,9 điểm); trung bình (5,0-6,4 điểm); yếu (4,0-4,9 điểm); kém ($\leq 4,0$ điểm).

Bảng câu hỏi gồm 10 câu được thiết kế theo nội dung của mục tiêu nghiên cứu cho HS hoàn thành trong 10 phút. Tính hợp lệ của bảng câu hỏi đã được xác thực thông qua quy trình đánh giá của 3 chuyên gia, có trình độ học vấn thạc sĩ trở lên và liên quan đến chủ đề giảng dạy môn Giáo dục kinh tế và pháp luật (Nguyễn Thị Mỹ Lộc và cộng sự, 2023). Sử dụng thang đo Likert 5 điểm để tính điểm cho từng câu hỏi: “Hoàn toàn không đồng ý = 1 điểm”, “Không đồng ý = 2 điểm”, “Không rõ = 3 điểm”, “Đồng ý = 4 điểm” và “Hoàn toàn đồng ý = 5 điểm”, với khoảng điểm trung bình (mean) quy ước như sau: Hoàn toàn không đồng ý: $1,00 \leq \text{mean} < 1,80$; Không đồng ý: $1,80 \leq \text{mean} < 2,60$; Không rõ: $2,60 \leq \text{mean} < 3,40$; Đồng ý: $3,40 \leq \text{mean} < 4,20$; Hoàn toàn đồng ý: $4,20 \leq \text{mean} \leq 5,00$. Chỉ số độ tin cậy Cronbach's Alpha là 0,723 cho thấy bảng câu hỏi được chấp nhận tốt.

- *Xử lý số liệu*: Số liệu được nhập, làm sạch bằng phần mềm Excel và xử lý bằng phần mềm SPSS 20.0. Các biến được thể hiện dưới dạng trung bình (mean), độ lệch chuẩn (SD), số lượng (SL) và tỉ lệ phần trăm (%). Sử dụng thuật toán Mann-Whitney U để so sánh hai nhóm độc lập với các phân phối không chuẩn (ở bảng 2 và 3); kiểm định Chi bình phương và chính xác Fisher để so sánh các tỉ lệ ở bảng 4 (Mean rank: là thứ hạng trung bình; Z là Đơn vị lệch chuẩn; OR: Tỉ xuất chênh; OR (95% CI): khoảng tin cậy). Giá trị $p < 0,05$ được xem là có ý nghĩa thống kê khi kiểm định.

2.2.2. Kết quả khảo sát

2.2.2.1. Kết quả trước thực nghiệm

Bảng 2. Kết quả kiểm tra trước thực nghiệm

Variables	Nhóm thực nghiệm (n=98)			Nhóm đối chứng (n=87)			Z	p
	n	%	Mean rank	n	%	Mean rank		
Xuất sắc (9,0-10,0 điểm)	7	7,14	90,31	7	8,05	96,03	-0,755	0,45
Giỏi (8,0-8,9 điểm)	50	51,02		50	57,47			
Khá (6,5-7,9 điểm)	41	41,84		30	34,48			

Kết quả kiểm tra trước thực nghiệm ở bảng 2 cho thấy, điểm kiểm tra loại giỏi ở cả 2 nhóm đều chiếm tỉ lệ cao nhất (51,02% và 57,47%), nhưng cả 2 nhóm HS có nhận thức về môn học trước thực nghiệm tương đương nhau ($p=0,45$). Như vậy, việc lựa chọn trình độ của nhóm đối chứng và nhóm thực nghiệm phù hợp với yêu cầu đầu vào, không ảnh hưởng đến kết quả thực nghiệm và đánh giá kết quả của nghiên cứu.

2.2.2.2. Kết quả sau thực nghiệm

Quy trình thực nghiệm: Trước thực nghiệm, GV tổ chức kiểm tra, đánh giá trình độ đối với tất cả đối tượng nghiên cứu. Trong thực nghiệm, kết thúc bài học, đối tượng nghiên cứu đều phải làm bài kiểm tra, đánh giá. Kết thúc thực nghiệm, GV tổ chức một buổi cho đối tượng nghiên cứu trả lời câu hỏi trong bảng câu hỏi phỏng vấn làm sẵn. Những dữ liệu này sau đó được phân tích thống kê và đưa ra kết quả cũng như kết luận đáp ứng được mục tiêu nghiên cứu.

Tiến hành thực nghiệm ở 1 chủ đề giáo dục pháp luật “Quyền bình đẳng của công dân” qua Bài 10. Quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật trong thời lượng 3 tiết:

- *Nhóm đối chứng*: Dạy học theo phương pháp truyền thống, GV giảng bài bằng trình chiếu PowerPoint, nhấn mạnh các ý chính của nội dung, HS lắng nghe và ghi chép. GV đặt câu hỏi tương tác với HS.

- *Nhóm thực nghiệm*: dạy học theo PPTH, GV tiến hành chia nhóm theo vị trí chỗ ngồi, phân công nhóm trưởng điều hành công việc nhóm. Trước thực nghiệm, GV yêu cầu các nhóm chuẩn bị nội dung tình huống trình bày bằng video clip hoặc diễn trực tiếp không quá 5 phút theo chủ đề bài học. Trong thực nghiệm, GV chỉ định ngẫu nhiên 3 nhóm (đại diện nhóm) trình bày tình huống đã chuẩn bị. Sau đó các nhóm còn lại nhận xét và đặt câu hỏi phản biện cho các nhóm trình bày. Các nhóm trình bày trả lời câu hỏi phản biện. GV quản lí, điều hành buổi thảo luận và kết luận có phân tích mở rộng nội dung theo chủ đề bài học.

Với nhóm thực nghiệm, các nội dung dạy học chủ yếu của Bài 10. “Quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật” được triển khai bao gồm 3 nội dung cơ bản với một số tình huống dạy học cơ bản:

(1) *Tìm hiểu khái niệm công dân bình đẳng về quyền và nghĩa vụ.*

Cá nhân: Đọc thông tin về Hiến pháp năm 2013 và Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 trong sách giáo khoa trang 67, 68; + Trao đổi, thảo luận nhóm về các trường hợp, tình huống; trả lời các câu hỏi do GV giao.

Tình huống thảo luận:

- Anh H là kỹ sư xây dựng. Mặc dù rất bận nhưng anh H luôn chia sẻ công việc với chị M khi ở nhà. Việc làm này thể hiện bình đẳng về quyền và nghĩa vụ như thế nào?;

- Trong cùng một lớp học, K. được nhận học bổng, Y. được dự thi HS giỏi, T. được giao lưu thể thao cấp thành phố. Điều này cho thấy mức độ sử dụng quyền và thực hiện nghĩa vụ như thế nào?

(2) *Công dân bình đẳng về trách nhiệm pháp lí*

Cá nhân: Đọc thông tin Bộ luật Hình sự năm 2015 và Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 trong sách giáo khoa trang 69. Làm việc nhóm, trao đổi, thảo luận và xử lí tình huống theo đóng vai về trường hợp GV giao và trả lời các câu hỏi.

Tình huống xử lí:

A là con một trong gia đình có địa vị tại địa phương, B là công nhân nghèo. Cả A và B cùng thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, nhưng A chỉ bị phạt tiền còn B lại bị phạt tù. Trường hợp này đã vi phạm quyền bình đẳng của công dân về điều gì?

- N là con một gia đình giàu có ở địa phương và M con một gia đình nghèo, cả hai đều 18 tuổi cùng chạy xe máy không xi nhan, đi đường ngược chiều. Mức xử phạt như thế nào để thể hiện sự bình đẳng về trách nhiệm pháp lí?;

- Anh K và anh T cùng bị xử phạt về hành vi gây rối an ninh trật tự công cộng. Anh K bị xử phạt hành chính 2.500.000 đồng còn anh T bị xử phạt nặng hơn với số tiền 4.000.000 đồng do anh đã dùng cây gỗ đánh anh K bị thương nhẹ. Mức xử phạt của cơ quan công an với anh K và anh T đã thể hiện bình đẳng về trách nhiệm pháp lí chưa?

- Do mâu thuẫn về đất đai trong quá trình xây dựng nhà ở, anh Q đã cùng hai người bạn là anh T và anh P đến nhà ông G gây sự và đánh ông bị thương tích nghiêm trọng, vì vậy anh Q, anh T và anh P bị bắt giữ và tạm giam. Bố đẻ anh Q là ông H đã tìm cách nhờ người quen đưa tiền hối lộ cho anh L để xin giảm nhẹ hình phạt cho con. Kết quả Q đã được giảm nhẹ án phạt hơn so với anh T và anh P. Trong trường hợp này, những ai đã vi phạm quyền bình đẳng về trách nhiệm pháp lí? Vì sao?

- H (18 tuổi) rủ K (16 tuổi) đi ăn trộm tài sản nhà bà T. Nhưng K không đồng ý vì sợ bị bắt, H đã nói với K đừng sợ vì bố tớ là công an. Khi cả hai vào nhà bà T thì bị bắt và đưa về đồn công an. Trong trường hợp này theo em H và K sẽ bị xử lí như thế nào?

HS đọc cá nhân và thảo luận nhóm để hoàn thành nhiệm vụ. GV quan sát, hỗ trợ HS (nếu có). HS thực hiện nhiệm vụ học tập, làm việc cá nhân và thảo luận nhóm, đọc thông tin trang 69-70 và trả lời câu hỏi. HS rút ra kết luận về công dân bình đẳng về trách nhiệm pháp lí. GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS khi cần. Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận, GV mời đại diện các nhóm đưa ra câu trả lời.

(3) *Tìm hiểu về ý nghĩa quyền bình đẳng của công dân đối với con người và xã hội*

HS tự liên hệ bản thân, em đã thực hiện pháp luật về quyền bình đẳng của công dân như thế nào? GV hướng dẫn HS chia sẻ bằng việc xây dựng lại tình huống mà mình đã trải qua, vận dụng kiến thức đã học và hiểu biết thực tế của bản thân về quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật để trả lời câu hỏi. GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận: GV mời đại diện 1-2 HS trả lời lần lượt các câu hỏi: HS có thể linh động báo cáo kết quả trên giấy A0/video/Bài thuyết trình PowerPoint.

Sau khi thực hiện dạy học Bài 10. Quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật, chúng tôi tiến hành kiểm tra, đánh giá hiệu quả của PPTH qua kết quả học tập của HS sau thực nghiệm ở 2 nhóm. Kết quả thu được ở bảng 3:

Bảng 3. So sánh kết quả học tập sau thực nghiệm (n=98)

Biến số	Nhóm thực nghiệm (n=98)			Nhóm đối chứng (n=87)			Z	p
	SL	Tỉ lệ (%)	Mean rank	SL	Tỉ lệ (%)	Mean rank		
Bài 10: Quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật								
Xuất sắc (9,0-10 điểm)	16	16,3	101,82	12	13,8	83,06	-2,48	0,013
Giỏi (8,0-8,9 điểm)	59	60,2		37	42,5			
Khá (6,5-7,9 điểm)	23	23,5		38	43,7			

Kết quả ở bảng 3 cho thấy, PPTH đã cải thiện kết quả học tập của HS. Kết quả học tập sau thực nghiệm của nhóm thực nghiệm cao hơn nhóm đối chứng có ý nghĩa thống kê với: $Z = -2,48$; $p = 0,013$ và $Z = -3,03$; $p = 0,002$.

Bảng 4. So sánh kết quả học tập sau thực nghiệm theo mức độ xếp loại điểm

Điểm xếp loại	Nhóm thực nghiệm (n=98)		Nhóm đối chứng (n=87)		OR (95%CI)	p
	SL	Tỉ lệ (%)	SL	Tỉ lệ (%)		
Xuất sắc (9,0-10 điểm)	16	57,1	12	42,9	1,83 (1,0÷3,33)	0,047
Giỏi (8,0-8,9 điểm)	59	61,4	37	38,6	1,70 (1,07÷2,72)	0,025
Khá (6,5-7,9 điểm)	23	45,1	38	54,9		

Kết quả ở bảng 4 cho thấy, sử dụng PPTH trong dạy học chủ đề giáo dục pháp luật “Quyền bình đẳng của công dân” đã tăng tỉ lệ kết quả bài thi xếp loại xuất sắc (OR; 1,83; 95%CI: 1,0÷3,33; $p = 0,047$) và bài xếp loại thi giỏi (OR; 1,70; 95%CI: 1,07÷2,72; $p = 0,025$) ở nhóm thực nghiệm so với nhóm đối chứng. Tỉ lệ bài kiểm tra đạt loại xuất sắc và giỏi ở nhóm thực nghiệm có sự chênh lệch rõ rệt so với nhóm đối chứng.

Kết quả thu được thông qua bảng hỏi nhằm thu thập đánh giá của HS nhóm thực nghiệm sau sử dụng PPTH trong dạy học chủ đề giáo dục pháp luật “Quyền bình đẳng của công dân” thể hiện ở bảng 5:

Bảng 5. Quan điểm của HS về hiệu quả PPTH trong dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật

STT	Nội dung	Các mức độ (n; %)					Mean±SD
		Hoàn toàn Không đồng ý	Không đồng ý	Không rõ	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý	
1	PPTH hỗ trợ HS hiểu chủ đề bài học tốt hơn.	7 7,1%	6 6,1%	11 11,2%	57 58,2%	17 17,3%	3,72±1,05
2	PPTH giúp cho tôi vận dụng kiến thức vào trong thực tế.	4 4,1%	5 5,1%	9 9,2%	57 58,2%	23 23,5%	3,92±0,95
3	PPTH cải thiện kĩ năng học.	5 5,1%	3 3,1%	19 19,4%	50 51,0%	21 21,4%	3,81±0,98
4	PPTH kích thích hứng thú học tập.	4 4,1%	1 1,0%	13 13,3%	51 52,0%	29 29,6%	4,02±0,92
5	Học theo PPTH dễ hiểu hơn.	6 6,1%	4 4,1%	15 15,3%	51 52,0%	22 22,4%	3,81±1,03
6	Các bài giảng theo PPTH phải nằm trong chương trình.	11 11,2%	6 6,1%	19 19,4%	55 56,1%	7 7,1%	3,42±1,09
7	Học theo PPTH cải thiện kết quả học tập.	1 1,0%	1 1,0%	13 13,3%	49 50,0%	34 34,7%	4,16±0,77
8	Học theo PPTH, tôi đã chuẩn bị bài tốt hơn cho mỗi buổi học.	0	3 3,1%	8 8,2%	50 51,0%	37 37,8%	4,23±0,73
9	Học theo PPTH, tôi đã chuẩn bị tốt hơn các bài thi.	0	4 4,1%	17 17,3%	41 41,8%	36 36,7%	4,11±0,84
10	PPTH giúp tôi hiểu ý nghĩa thực tiễn của môn học.	0	1 1,0%	7 7,1%	51 52,0%	39 39,8%	4,31±0,65

Kết quả khảo sát ở bảng 5 cho thấy, trong số 10 nội dung khảo sát, có 2 được HS đánh giá mức “Hoàn toàn đồng ý”, đó là: Học theo PPTH HS sẽ chuẩn bị bài tốt hơn (4,23±0,73) và HS hiểu ý nghĩa thực tiễn của môn học (4,31±0,65); các câu hỏi ở mức đồng ý gồm: Học theo PPTH cải thiện kết quả học tập (4,16±0,77), HS đã chuẩn bị tốt hơn các bài thi (4,11±0,84), HS hứng thú học tập hơn (4,02±0,92), giúp HS vận dụng kiến thức vào trong thực tế (3,92±0,95). Phản hồi của HS là học theo PPTH là có hiệu quả.

2.3. Nhận định về hiệu quả thực nghiệm

Trong nghiên cứu này, chúng tôi đã tiến hành đánh giá kết quả học tập của PPTH so với phương pháp giảng dạy truyền thống và quan điểm của HS về hiệu quả của PPTH. Kết quả thu được cho thấy, sử dụng PPTH trong dạy học chủ đề giáo dục pháp luật “Quyền bình đẳng của công dân” đã thúc đẩy HS chuẩn bị bài tốt hơn, hiểu ý nghĩa thực tiễn của môn học, cải thiện kết quả học tập, chuẩn bị tốt hơn các bài thi, hứng thú học tập hơn và vận dụng kiến thức vào trong thực tế tốt hơn (bảng 3). Có thể thấy, sau thực nghiệm, kết quả học tập của HS nhóm thực nghiệm dạy học theo PPTH cao hơn đáng kể so với nhóm đối chứng học theo phương pháp truyền thống (bảng 4), học theo PPTH đã làm tăng đáng kể tỉ lệ kết quả bài thi xếp loại xuất sắc và giỏi ở nhóm thực nghiệm so với nhóm đối chứng (bảng 5).

Kết quả nghiên cứu của chúng tôi phù hợp với các nghiên cứu và quan điểm gần đây của các tác giả Lê Thị Mai Thảo (2018), Nguyễn Thị Thơ (2020). Qua việc tổ chức dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật lớp 11 theo PPTH, qua quan sát, chúng tôi nhận thấy, HS chủ động suy nghĩ, thảo luận trước những kiến thức liên quan đã thu được từ trước dưới sự thiết kế và hướng dẫn cẩn thận của GV, đồng thời có thể sử dụng các tình huống điển hình trong dạy học, trải nghiệm và phân tích trong bài giảng, đưa ra quyết định để phát triển khả năng giải quyết vấn đề và suy nghĩ độc lập. So với dạy học truyền thống “một chiều”, dạy học tình huống mang tính thực tế hơn; đồng thời, nhờ sự tham gia tích cực của HS, PPTH có thể đạt được kết quả giảng dạy tốt hơn.

Tuy nhiên, cỡ mẫu nhỏ, thời gian thực nghiệm ngắn là một hạn chế đối với nghiên cứu này. Mặc dù nội dung khóa học giữa hai nhóm giống nhau nhưng sự khác biệt giữa GV về kỹ năng giao tiếp và giao tiếp giữa các cá nhân có thể ảnh hưởng nhất định đến kết quả. Mặt khác, chương trình giảng dạy này chỉ là môn học nằm trong tổ hợp các môn khoa học xã hội dành cho HS lớp 11, vì vậy, cần có thêm các nghiên cứu rộng hơn và ở cả các môn học khác để đánh giá liệu có sự khác biệt trong sự cải thiện quá trình dạy học dài hơn ở cả hai nhóm nghiên cứu.

3. Kết luận

Trong nghiên cứu này, chúng tôi đã đánh giá hiệu quả của PPTH ở HS lớp 11 học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật. Những phản hồi tích cực mà chúng tôi nhận được từ HS cho thấy rằng, PPTH mang lại cho HS nhiều lợi ích như: HS chuẩn bị bài tốt hơn, hiểu ý nghĩa thực tiễn của môn học, cải thiện kết quả học tập, chuẩn bị tốt hơn các bài thi, hứng thú học tập hơn và vận dụng kiến thức vào trong thực tế tốt hơn. Kết quả nghiên cứu cũng chỉ ra kết quả học tập, tỉ lệ bài kiểm tra xếp loại giỏi và xuất sắc ở nhóm HS được dạy học theo PPTH cao hơn đáng kể so với nhóm HS được học theo phương pháp truyền thống. Vì vậy, việc áp dụng PPTH trong dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật cần được khuyến khích thực hiện đối với GV. Bên cạnh đó, cần có các nghiên cứu sâu rộng nhằm đánh giá hiệu quả về phương pháp này, từ đó có thể áp dụng với các môn học khác đem lại môi trường học tập tích cực và hiệu quả học tập tốt nhất cho HS.

Tài liệu tham khảo

- Ali, M., Han, S. C., Bilal, H. S. M., Lee, S., Kang, M. J. Y., Kang, B. H., Razzaq, M. H., Muhammad, B. A., & Amin, B. (2018). iCBLs: An interactive case-based learning system for medical education. *International Journal of Medical Informatics*, 109, 55-69.
- Boehrer, J. (1995). *How to teach a case*. Kennedy School of Government Case Programme.
- Bộ GD-ĐT (2018a). *Chương trình giáo dục phổ thông - Chương trình tổng thể* (ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018-TT/BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT).
- Bộ GD-ĐT (2018b). *Chương trình giáo dục phổ thông môn Giáo dục kinh tế và pháp luật* (ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018-TT/BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT).
- Hassoulas, A., Forty, E., Hoskins, M., Walters, J., & Riley, S. (2017). A case-based medical curriculum for the 21st century: the use of innovative approaches in designing and developing a case on mental health. *Medical Teacher*, 39(5), 505-511.
- Hoàng Khê (chủ biên, 2011). *Từ điển tiếng Việt*. NXB Đà Nẵng.
- Hofsten, A., Gustafsson, C., & Häggström, E. (2010). Case seminars open doors to deeper understanding—Nursing students' experiences of learning. *Nurse Education Today*, 30(6), 533-538.
- James, H., Khaja, K. A., & Sequeira, R. (2015). Effective use of real-life events as tools for teaching-learning clinical pharmacology in a problem-based learning curriculum. *Indian Journal of Pharmacology*, 47(3), 316-321. <http://doi.org/10.4103/0253-7613.157131>
- Lê Thị Mai Thảo (2018). Vận dụng lí thuyết tình huống trong dạy học công thức truy hồi cho sinh viên trường cao đẳng nghề. *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Đồng Tháp*, 08(33), 29-34.
- Nguyễn Thị Mỹ Lộc (tổng chủ biên), Phạm Việt Thắng (chủ biên), Phạm Thị Hồng Diệp, Dương Thị Thuý Nga, Trần Thị Diệu Oanh, Nguyễn Nhật Tân, Trần Văn Thắng, Hoàng Thị Thịnh, Hoàng Thị Thuận (2023). *Giáo dục Kinh tế và Pháp luật lớp 11*. NXB Đại học Huế.
- Nguyễn Thị Thơ (2020). Phương pháp dạy học bằng tình huống trong giảng dạy các môn lí luận chính trị ở các trường đại học, cao đẳng hiện nay. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, 529, 26-30.
- Phan Trọng Ngọc (2005). *Dạy học và phương pháp dạy học trong nhà trường*. NXB Đại học Sư phạm.
- Trịnh Văn Biều (2005). *Các phương pháp dạy học hiệu quả*. Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.